|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ TĨNH**  Số: 611/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 02 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền**

**giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thươngtại Văn bản số 31/TTr-SCT ngày 13/02/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 (hai) thủ tục hành chính mới ban hành; 08 (tám) thủ tục hành chínhđược sửa đổi, bổ sung; 04 (bốn) thủ tục hành chính bị bãi bỏthuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 1, 2, 3, 4 thuộc lĩnh vực An toàn thực phẩm; thay thế các thủ tục hành chính số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc lĩnh vực Điện tại Quyết định số 1129/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Description: Description: Description: https://ssl.gstatic.com/ui/v1/icons/mail/images/cleardot.gif***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh VP, các Phó CVP;  - Trung tâm HCC tỉnh;  - Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;  - Lưu: VT, KSTT1. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Dương Tất Thắng** |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH HÀ TĨNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 TTHC)** | | | | |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLTM - Sở Công Thương: 13 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế tại cơ sở);  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLTM, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Trung tâm Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). | - Phí thẩm định: Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở; Cơ sở sản xuất thực phẩm: 3.000.000 đồng /lần/cơ sở.  - Lệ phí: Không. | - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010.  - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.  - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.  - Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.  - Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện | **\* Trường hợp 1:** Cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh  doanh; thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLTM - Sở Công Thương: 1,5 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế tại cơ sở);  - Lãnh đạo Sở: 0,5 ngày;  - Phòng QLTM, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | **\* Đối với trường hợp 1:** Không | - Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010.  - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.  - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.  - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.  - Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.  - Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. |
| **\* Trường hợp 2:** Cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLTM, Sở Công Thương: 13 ngày (bao gồm cả thời gian thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế tại cơ sở);  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLTM, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | **\* Đối với trường hợp 2:**  - Phí thẩm định: Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở; Cơ sở sản xuất thực phẩm: 3.000.000 đồng /lần/cơ sở.  - Lệ phí: Không. |

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Thời hạn**  **giải quyết** | **Địa điểm**  **thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực Điện (08 TTHC)** | | | | |
| 1 | Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Trung tâm Hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (Số 02A, Nguyễn Chí Thanh, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) | - Phí thẩm định: 800.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực.  - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương.  - Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.  - Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.  - Quyết định số 4252/QĐ-BCT ngày 12/11/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC mới ban hành/TTHC được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế/TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương. |
| 2 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 800.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| 3 | Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 2.100.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| 4 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 2.100.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| 5 | Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 700.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| 6 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 700.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| 7 | Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 800.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |
| 8 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:  - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh tiếp nhận: 0,5 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương: 08 ngày;  - Lãnh đạo Sở: 01 ngày;  - Phòng QLNL, Sở Công Thương chuyển kết quả cho Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh: 0,5 ngày. | Như trên | - Phí thẩm định: 800.000 đồng /giấy phép.  - Lệ phí: Không. | Như trên |

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

| **TT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực An toàn thực phẩm (04 TTHC)** | | |
| 1 | [BCT-HTI-275173](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&ItemID=518729) | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện. | - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.  - Quyết định số 4501/QĐ-BCT ngày 05/12/2018 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương. |
| 2 | [BCT-HTI-275176](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&ItemID=518731) | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện. |
| 3 | [BCT-HTI-275179](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&ItemID=518723) | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện. |
| 4 | [BCT-HTI-275180](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tinhthanh/Pages/chitiet-tthc.aspx?path=danh-sach-tthc&ItemID=518724) | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện. |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH